

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới và thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2527/QĐ-BKHHCN ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 210/TTr-SKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 21 thủ tục hành chính ban hành mới và 18 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

nghệ theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHHCN ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định..

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, V3, PVHCC^(KSTT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

DANH MỤC 21 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI VÀ 18 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (21 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ									
1	Thủ tục thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) 1.115134.H21	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ phí: Không có. - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
			dụng định danh quốc gia.			<p>thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. (<i>Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực</i>).</p> <p>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp</p>			

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
						giấy phép viên thông. <i>Thời điểm bắt buộc phải nộp phí là trước ngày giấy phép bị thu hồi.</i>			
2	Thủ tục Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá 1.115135.H21	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Viên thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	X
3	Thủ tục Ngừng kinh doanh dịch	Không quy định thời hạn	- Trực tiếp hoặc qua	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Viên thông ngày	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích		đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.				24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông. 1.013385.H21								
4	Thủ tục Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông (trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ cố	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch	Có	Toàn trình	Không có	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất).		vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.						

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	1.004962.H21								
5	<p>Thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)</p> <p>1.013370.H21</p>	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	<p>- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>	Có	Toàn trình	<p>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</p> <p>1. Phí:</p> <p>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. Thời điểm nộp phí chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý nộp phí.</p>	<p>- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 52/2025/TT-</p>	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
						2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép. Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
6	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	163/2024/NĐ-CP 1.013376.H21						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 		
7	Thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng)	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành 	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	viễn thông cố định mặt đất) 1.013379.H21		chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí được tính từ quý liền sau của quý mà giấy phép gia hạn hoặc cấp lại có hiệu lực. 3. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép. Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
8	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Có	Toàn trình	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	<p>dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP</p> <p>1.013375.H21</p>		<p>tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>				<p>24/12/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của</p>		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
							Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
9	<p>Thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)</p> <p>1.013377.H21</p>	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia. 	Có	Toàn trình	<p>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép</p> <p><i>Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
							20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
10	Thủ tục Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia 1.013382.H21	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng	Có	Toàn trình	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
			dụng định danh quốc gia.				Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
11	Thủ tục Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia 1.013384.H21	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Cấp tỉnh	X
12	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành	Có	Toàn trình	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	quốc gia, đài truyền hình quốc gia 1.013383.H21	- 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.				24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
13	Thủ tục Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng 1.005444.H21	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch	Có	Toàn trình	- Phí thiết lập mạng viễn thông dùng riêng: 100.000.000 đồng/giấy phép (nộp một lần cho toàn bộ thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn) - Lệ Phí: 1.000.000/giấy phép. Lệ phí thực hiện nộp ngay	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
			vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			<i>khi được cấp giấy phép</i>	BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
14	Thủ tục Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng 1.005445.H21	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Cấp tỉnh	X
15	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến	Có	Toàn trình	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép Lệ phí thực hiện nộp ngay khi	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	thông dùng riêng 1.003370.H21	xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			<i>được cấp giấy phép</i>	163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
16	Thủ tục Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông 1.003300.H21	22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (nộp một lần cho toàn thời hạn giấy	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
			- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			phép, bao gồm cả thời gian gia hạn): thu theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Mục I.3 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viên thông, lệ phí cấp giấy phép viên thông. - Lệ phí cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viên thông: 1.000.000 đồng/giấy phép. Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
17	Thủ tục Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành	Có	Toàn trình	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	1.003249.H21		chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.				24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
18	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông 1.013381.H21	22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch	Có	Toàn trình	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
			vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.				BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
19	<p>Thủ tục Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá</p> <p>1.014012.H21</p>	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	<p>- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>	Có	Toàn trình	<p>Phí: 350.000 đồng/lần phân bổ</p> <p><i>Phí phân bổ được nộp tại thời điểm được phân bổ mã, số viễn thông</i></p>	<p>- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của</p>	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
							Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
20	<p>Thủ tục Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá</p> <p>1.014015.H21</p>	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	<p>- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>	Có	Toàn trình	Không có	<p>- Luật Viên thông ngày 24/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p>	Cấp tỉnh	X
21	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao đối với sản phẩm, hàng hóa	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành	Có	Toàn trình	Không có	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số</p>	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
	thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông 1.002655.H21	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhân: 06 ngày làm việc (bao gồm 05 ngày khắc phục và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ) - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời gian xin gia hạn (gồm 07 ngày bổ sung hồ sơ từ ngày tiếp nhận và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ 	<p>chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>				<p>điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;</p> <p>- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p>		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
		hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ							
Tổng cộng: 21 TTHC									

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (18 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ										
1	Thủ tục Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông 1.013912.H21	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Có	Toàn trình	Không có	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.					Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.		
2	Thủ tục Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc	Có	Toàn trình	Không có	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	fax gia tăng giá trị 1.013897.H21		gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.					ngày 29/4/2026 của Chính phủ.		
3	Thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.013900.H21	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết. - Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						<p>thông. Thời điểm nộp phí chậm nhất trong vòng 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép và bắt buộc phải nộp trước khi nhận bàn giao giấy phép.</p> <p>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. Thời điểm tính phí bắt đầu từ</p>		20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						<i>quý được cấp giấy phép.</i> 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép. <i>Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép</i>				
4	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết. - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP 1.013904.H21		đanh quốc gia.			viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. Phí được tính từ quý liền sau của quý mà giấy phép gia hạn hoặc cấp lại có hiệu lực. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép. Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép		- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
5	Thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ;	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	<p>mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p> <p>1.013907.H21</p>		<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>			<p>Tài chính, cụ thể như sau:</p> <p>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. <i>Phí được tính từ quý liền sau của quý mà giấy phép gia hạn hoặc cấp lại có hiệu lực.</i></p> <p>2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép. <i>Lệ phí thực hiện nộp ngay khi</i></p>	<p>- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC.</p>	<p>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						<i>được cấp giấy phép</i>				
6	<p>Thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p> <p>1.013905.H21</p>	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia. 	Có	Toàn trình	<p>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</p> <p>1. Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. <i>Phí được tính từ quý liền sau của quý mà giấy phép gia</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết. - Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của 	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						<i>hạn hoặc cấp lại có hiệu lực.</i> 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép. <i>Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép</i>		Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
7	Thủ tục Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ phí: Không có. - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.013909.H21		dụng định danh quốc gia.			tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viên thông, lệ phí cấp giấy phép viên thông. <i>(Doanh nghiệp viên thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viên thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy</i>		ngày 29/4/2026 của Chính phủ.		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						<i>phép có hiệu lực).</i> - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. Thời điểm bắt buộc phải nộp phí là trước ngày giấy phép bị thu hồi.				
8	Thủ tục Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc	Có	Toàn trình	Không có	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ;	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.013819.H21		Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.					- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.		
9	Thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện;	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) 1.013899.H21	hợp lệ của hồ sơ.	Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. Thời điểm nộp phí chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý nộp phí 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy	- Thời gian giải quyết. - Kết quả thực hiện TTHC; - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC.	CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						phép. <i>Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép</i>				
10	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia. 	Có	Toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép. <i>Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết. - Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; 	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	1.013902.H21							- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
11	Thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) 1.013976.H21	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết. - Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			đanh quốc gia.			hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. Phí được tính từ quý liền sau của quý mà giấy phép gia hạn hoặc cấp lại có hiệu lực. 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép. Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép		- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
12	Thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Có	Toàn trình	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép. Lệ phí thực hiện nộp	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	viên thông có định mặt đất (dịch vụ viên thông cung cấp trên mạng viên thông có định mặt đất) 1.013906.H21		tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			<i>ngay khi được cấp giấy phép</i>	- Thành phần hồ sơ; - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai.	Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
13	Thủ tục Thu hồi giấy phép cung	08 ngày làm việc kể	- Trực tiếp hoặc qua	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư	- Căn cứ pháp lý;	- Luật Viên thông ngày	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	<p>cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông</p> <p>1.013908.H21</p>	từ ngày nhận được hồ sơ	<p>đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>			<p>số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</p> <p>- Lệ phí: Không có.</p> <p>- Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</p> <p><i>(Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép</i></p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thời gian giải quyết.</p>	<p>24/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p>		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						<p><i>có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực).</i></p> <p>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. Thời</p>				

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						<i>điểm bắt buộc phải nộp phí là trước ngày giấy phép bị thu hồi.</i>				
14	Thủ tục Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia. 	Có	Toàn trình	Không có	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. 	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	1.013877.H21									
15	Thủ tục Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá. 1.013911.H21	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Không có	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	X
16	Thủ tục Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá 1.013910.H21	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Có	Toàn trình	Theo quy định của Bộ Tài chính: 350.000 đồng/lần phân bổ (theo quy định tại	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viên thông. Phí phân bổ được nộp tại thời điểm được phân bổ mã, số viên thông		Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.		
17	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng,	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành	Có	Toàn trình	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện;	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	<p>loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP</p> <p>1.013903.H21</p>	hợp lệ của hồ sơ	<p>chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>			<p>Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</p> <p>- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. Phí được tính từ quý liền sau của quý mà giấy phép gia hạn hoặc cấp lại có hiệu lực.</p> <p>- Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép. Lệ phí thực hiện nộp</p>	<p>- Thời gian giải quyết.</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</p> <p>- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC.</p>	<p>24/12/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						<i>ngay khi được cấp giấy phép</i>				
18	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP 1.013901.H21	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	- Phí: không có - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép. Lệ phí thực hiện nộp ngay khi được cấp giấy phép	- Căn cứ pháp lý; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết. - Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC.	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP	Cấp tỉnh	X

